TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **366**/2026/QĐST-HNGĐ	*Đan Phượng, ngày 18 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 310/2026/TLST - VHNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị **Nguyễn Thị Hương L**, sinh năm 2003; Căn cước công dân số xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/05/2021; HKTT: Thôn B, xã L, huyện P (nay là: xã H), thành phố H.

Anh **Nguyễn Trường S**, sinh năm 1999; Căn cước công dân số xxx do Bộ Công an cấp ngày 30/10/2024; HKTT: B, xã Đ, huyện Đ (nay là: xã Đ), thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trường S và chị Nguyễn Thị Hương L lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 19/03/2024 tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là xã Đ), thành phố H trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh S và chị L thực sự trầm trọng, nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Trường S và chị Nguyễn Thị Hương L xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh ngày

09/09/2024. Sức khoẻ con chung bình thường. Khi ly hôn, anh chị thoả thuận giao cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thoả thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên công nhận.

Anh S có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và nhà đất chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Anh S tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm. Sự tự nguyện của anh S là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 06 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trường S và chị Nguyễn Thị Hương L thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Anh Nguyễn Trường S và chị Nguyễn Thị Hương L xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh ngày 09/09/2024. Ghi nhận sự thoả thuận của anh S và chị L thống nhất giao cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom cả con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hương L không yêu cầu anh Nguyễn Trường S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Trường S có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[1.3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[1.4] Về nợ chung: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí: Anh S tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số BLTU/26E/0012764 ngày 27/05/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND KV8-HN;*
- *Phòng THADS KV8-HN;*
- *UBND xã Đ, thành phố H (GCN số 13/2024 ngày 19/03/2024);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đoan